

GRADE 8 – WORD FORM – PART – I - A

GRADE 8 - UNIT 7 - WORD FORM - PART - I			
NOUN	VERB	ADJECTIVE	ADVERB
absence	—	absent	absently
<i>/ˈæbsəns/</i>	—	<i>/ˈæbsənt/</i>	<i>/ˈæbsəntli/</i>
sự vắng mặt	—	vắng mặt	một cách lơ đãng
access	access	accessible	accessibly
<i>/ˈækses/</i>	<i>/ˈækses/</i>	<i>/əkˈsesəbl/</i>	<i>/əkˈsesəbli/</i>
quyền truy cập	tiếp cận	có thể tiếp cận	một cách dễ tiếp cận
aim	aim	aimed	—
<i>/eɪm/</i>	<i>/eɪm/</i>	<i>/eɪmd/</i>	—
mục tiêu	nhắm đến	nhắm vào	—
benefit	benefit	beneficial	beneficially
<i>/ˈbenɪfɪt/</i>	<i>/ˈbenɪfɪt/</i>	<i>/ˌbenɪˈfɪʃl/</i>	<i>/ˌbenɪˈfɪʃli/</i>
lợi ích	có lợi	có lợi	một cách có lợi
commerce	trade	commercial	commercially
<i>/ˈkɑːmɜːrs/</i>	<i>/treɪd/</i>	<i>/kəˈmɜːrʃl/</i>	<i>/kəˈmɜːrʃli/</i>
thương mại	buôn bán	thuộc thương mại	một cách thương mại
conservation	conserve	conservative	conservatively
<i>/ˌkɑːnsəˈveɪʃn/</i>	<i>/kənˈsɜːrv/</i>	<i>/kənˈsɜːrvətɪv/</i>	<i>/kənˈsɜːrvətɪvli/</i>
sự bảo tồn	bảo tồn	bảo thủ	một cách bảo thủ
distribution	distribute	distributive	—
<i>/ˌdɪstrɪˈbjuːʃn/</i>	<i>/dɪˈstrɪbjʊːt/</i>	<i>/dɪˈstrɪbjətɪv/</i>	—
sự phân phối	phân phối	thuộc phân phối	—
donation / donor	donate	—	—
<i>/douˈneɪʃn/ ; /ˈdounər/</i>	<i>/douˈneɪt/</i>	—	—
sự quyên góp / người quyên góp	quyên góp	—	—
intention	intend	intentional	intentionally
<i>/ɪnˈtenʃn/</i>	<i>/ɪnˈtend/</i>	<i>/ɪnˈtenʃənl/</i>	<i>/ɪnˈtenʃənəli/</i>
ý định	có ý định	cố ý	một cách có chủ ý

ownership	own	own	—
<i>/ˈəʊnəʃɪp/</i>	<i>/əʊn/</i>	<i>/əʊn/</i>	—
quyền sở hữu	sở hữu	thuộc về (own + N)	—
persuasion	persuade	persuasive	persuasively
<i>/pəˈsweɪʒn/</i>	<i>/pəˈsweɪd/</i>	<i>/pəˈsweɪsɪv/</i>	<i>/pəˈsweɪsɪvli/</i>
sự thuyết phục	thuyết phục	có sức thuyết phục	một cách thuyết phục
petition	petition	—	—
<i>/pəˈtɪʃn/</i>	<i>/pəˈtɪʃn/</i>	—	—
bản kiến nghị	kiến nghị	—	—
proposal	propose	proposed	—
<i>/prəˈpəʊz/</i>	<i>/prəˈpəʊz/</i>	<i>/prəˈpəʊzd/</i>	—
đề xuất	đề xuất	được đề xuất	—
protest	protest	protestive	—
<i>/ˈpraʊtest/ ; /prəˈtest/</i>	<i>/prəˈtest/</i>	<i>/prəˈtestɪv/</i>	—
sự phản đối	phản đối	thuộc phản đối	—
rejection	reject	rejected	—
<i>/rɪˈdʒekʃn/</i>	<i>/rɪˈdʒekt/</i>	<i>/rɪˈdʒektɪd/</i>	—
sự từ chối	từ chối	bị từ chối	—
signature	sign	signed	—
<i>/ˈsɪɡnətʃər/</i>	<i>/saɪn/</i>	<i>/saɪnd/</i>	—
chữ ký	ký	đã ký	—
support	support	supportive	supportively
<i>/səˈpɔːrt/</i>	<i>/səˈpɔːrt/</i>	<i>/səˈpɔːrtɪv/</i>	<i>/səˈpɔːrtɪvli/</i>
sự hỗ trợ	hỗ trợ	ủng hộ	một cách ủng hộ
volunteering	volunteer	voluntary	—
<i>/ˌvɔːlənˈtɪərɪŋ/</i>	<i>/ˌvɔːlənˈtɪər/</i>	<i>/ˈvɔːləntəri/</i>	—
việc tình nguyện	tình nguyện	tự nguyện	—

I. Fill in the blanks with the correct forms of the words in brackets.

1. The _____ of the game is to score as many points as possible. (aim)
2. The movie was _____ worldwide by a major studio. (distribution)
3. The mistake was not _____. (intend)
4. The film studio tries to _____ its resources by reusing sets and costumes. (conservation)
5. The actors _____ promoted each other's performances during interviews. (support)
6. The _____ of natural resources is important for future generations. (conserve)
7. The building is _____ to people with disabilities. (access)
8. Please sign your name on the dotted line to add your _____. (sign)
9. The group was _____ the new policy of environment. (protest)
10. She is the proud _____ of a vintage car. (own)
11. The trailer was designed to _____ people to see the movie. (persuasive)
12. She used her powers of _____ to convince him to join the team. (persuade)
13. The contract was _____ by both parties. (signature)
14. She made a generous _____ to the charity. (donate)
15. The rise of online shopping has changed the face of _____. (commercial)
16. The studio _____ the director's initial cut of the movie. (rejection)
17. Eating vegetables is _____ for your health. (benefit)
18. The organization relies on _____ from its supporters. (donate)
19. Her _____ of his offer surprised everyone. (reject)
20. The film was _____ successful at the box office. (commerce)
21. The team needs your _____ to win the game. (supportive)
22. The movie was _____ educational as well as entertaining. (benefit)
23. The _____ of wealth in the world is unequal. (distribute)
24. The _____ of the film festival is to showcase independent films. (aim)
25. He was _____ from school due to illness. (absence)